

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2021 cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng N trình bày:

Vào ngày 23/5/2015, bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vào khoảng giữa năm 2021, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện tại cả hai không còn chung

sống với nhau từ hơn nửa năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung, có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H (giới tính nữ), sinh ngày 29/01/2017. Hiện tại con chung đang do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2022 bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất phần trình bày của bà Nguyễn Hồng N về thời gian chung sống và việc có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ông thừa nhận ông là người có lỗi trước, đã nhìn nhận lỗi lầm mong vợ tha thứ bỏ qua để cùng nhau tiếp tục chung sống và nuôi dạy con vì con còn nhỏ chưa đi học. Ông vẫn còn tình thương với vợ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung có 01 người đúng như bà N trình bày, ông đồng ý giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, ông và bà N có tài sản chung nhưng chưa thỏa thuận được. Về nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện chính quyền địa phương xã nơi hai bên đang sự sinh sống xác định: Bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn T không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Hồng N ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Gia Hân (giới tính nữ), sinh ngày 29/01/2017 cho bà Nguyễn Hồng N tiếp tục nuôi, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung các bên tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, về nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C vào ngày 23/5/2015. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật

Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Hồng N xác định thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vào khoảng giữa năm 2021, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện tại cả hai không còn chung sống với nhau từ hơn nửa năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Nguyễn Hồng N nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T cho rằng cuộc sống vợ chồng ông thừa nhận ông là người có lỗi trước, đã nhìn nhận lỗi làm mong bà Nguyễn Hồng N tha thứ bỏ qua để cùng nhau tiếp tục chung sống và nuôi dạy con vì con còn nhỏ chưa đi học. Ông vẫn còn tình thương với bà Nguyễn Hồng N nên không đồng ý ly hôn. Bà Nguyễn Hồng N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn T đã và đang trầm trọng. Do đó, việc bà Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Có 01 người tên là Nguyễn Ngọc Gia H (giới tính nữ), sinh ngày 29/01/2017 hiện do bà Nguyễn Hồng N đang nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện tại đang do bà N nuôi dưỡng, ông T đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi nên việc giao con cho bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn T đã thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Hồng N và ông Nguyễn Văn T xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Hồng N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Hồng N ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Hồng N chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên là Nguyễn Ngọc Gia H (giới tính nữ), sinh ngày 29/01/2017 cho đến khi Nguyễn Ngọc Gia H đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Hồng N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Hồng N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017460, ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã Pn, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước